

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

- Bản án số: **29/2021/HNGĐ-ST**
- Ngày 29 tháng 01 năm 2021
- V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG TỈNH TIỀN GIANG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Liễu.
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
 1. Ông Phạm Văn Hợp
 2. Bà Trần Tuyết Nhung
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa:** **Bà Phạm Thị Kim Trinh** - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công - Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 359/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 về: “*Xin ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **02/2021/QĐXXST** -HNGĐ ngày **13 tháng 01** năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trần Thanh L**, sinh năm 1967 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp XD, xã LTh, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.
- Bị đơn: Chị **Lương Thị Kim L**, sinh năm 1969 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp XD, xã LTh, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

* Theo đơn xin ly hôn ngày **02/12/2020** và trong quá trình tố tụng nguyên đơn anh **Trần Thanh L** trình bày: Anh và chị L tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới và được Ủy ban nhân dân xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông cấp giấy chứng nhận kết hôn năm **1989**. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng sống không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, vợ anh ghen tuông vô cớ, dẫn chị em trong gia đình lên chỗ anh làm đánh ghen, quay anh đăng lên mạng nên anh xấu hổ với bạn bè. Anh và chị L đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Trong thời gian này

vợ chồng không có trao đổi hàn gắn tình cảm. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị L.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Trần Thị Cẩm Nh, sinh ngày 12/7/1991, Trần Đăng Ng, sinh ngày 13/8/1993 và Trần Ngọc H, sinh ngày 18/4/2002, đã trưởng thành.

- Về tài sản chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Theo bản tự khai ngày 02/12/2020 và trong quá trình tố tụng bị đơn chị Lương Thị Kim L trình bày: Thời gian kết hôn và con chung như anh L trình bày là đúng. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, anh L còn yêu cầu chị phải chấp nhận cho anh quen với người phụ nữ đó, chị không đồng ý nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Nay nếu anh L để toàn bộ tài sản cho chị và các con, chị mới đồng ý ly hôn.

- Về tài sản chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Thanh L có đơn đề nghị giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Lương Thị Kim L địa chỉ ấp XD, xã LTh, thị xã Gò Công, Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Thanh L và chị Lương Thị Kim L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Bình Ân, huyện Gò Công Đông cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 1989 là hôn nhân hợp pháp. Nay anh L yêu cầu ly hôn cần được xem xét giải quyết theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của anh Trần Thanh L là có cơ sở bởi thời gian chung sống giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, anh L cho rằng nguyên nhân do vợ chồng sống không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm, vợ anh ghen tuông vô cớ, dẫn chị em trong gia đình lên chỗ anh làm đánh ghen, quay anh đăng lên mạng nên anh xấu hổ với bạn bè. Chị L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do anh

L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, anh L còn yêu cầu chị phải chấp nhận cho anh quen với người phụ nữ đó, chị không đồng ý. Anh L và chị L đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Trong thời gian này vợ chồng không có trao đổi hàn gắn tình cảm chứng tỏ **anh L và chị L cũng không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với nhau**. Hơn nữa, chị L cho rằng nếu anh L để toàn bộ tài sản cho chị và các con, chị mới đồng ý ly hôn, như vậy **chị L không đồng ý ly hôn chỉ vì yêu cầu chia tài sản, không phải muốn đoàn tụ gia đình với anh L**.

Xét thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận cho **anh L** được ly hôn với **chị L** là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Trần Thị Cẩm Nh, sinh ngày 12/7/1991, Trần Đăng Ng, sinh ngày 13/8/1993 và Trần Ngọc H, sinh ngày 18/4/2002, đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Anh L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Chị L cho rằng nếu anh L để toàn bộ tài sản cho chị và các con, chị mới đồng ý ly hôn. Tòa án có giải thích và cho chị L thời gian nếu chị có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng thì nộp đơn khởi kiện và nộp tiền tạm ứng án phí nhưng chị L không nộp đơn khởi kiện chia tài sản nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Nếu sau này các đương sự có phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

- Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

- Về án phí: **Anh Trần Thanh L** là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH :

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình
- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của **anh Trần Thanh L**.**

1. Về hôn nhân: **Anh Trần Thanh L** được ly hôn với chị Lương Thị Kim L.
2. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Trần Thị Cẩm Nh, sinh ngày 12/7/1991, Trần Đăng Ng, sinh ngày 13/8/1993 và Trần Ngọc H, sinh ngày 18/4/2002, đã trưởng thành.

3. Về án phí: **Anh Trần Thanh L** phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số **0019166** ngày **02/12/2020** của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công. Như vậy, **anh Trần Thanh L** đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: **Anh Trần Thanh L**, chị Lương Thị Kim L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TXGC;
- CCTHADS TXGC;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Ân;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊU